

Một số vấn đề về rào cản thương mại và đề xuất giải pháp tháo gỡ rào cản thương mại, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đài Loan (Trung Quốc)

Dương Ngọc Mai

Vụ Phát triển thị trường nước ngoài, Bộ Công Thương

Kể từ khi thiết lập quan hệ giao lưu kinh tế giữa Việt Nam và Đài Loan (Trung Quốc) vào ngày 30 tháng 6 năm 1992, Đài Loan luôn được đánh giá là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu về thương mại và đầu tư của Việt Nam. Tuy nhiên, trong xu thế quay trở lại của chủ nghĩa bảo hộ, các quốc gia và nền kinh tế, trong đó có Đài Loan ngày càng áp dụng các biện pháp phi thuế, như một rào cản thương mại nhằm bảo hộ nền sản xuất trong nước. Đặc biệt, rào cản thương mại của Đài Loan tập trung vào các yêu cầu về kiểm dịch động thực vật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra hệ thống và tăng tần suất kiểm tra, quy trình đánh giá kỹ thuật kéo dài và khó có thể dự báo khiến doanh nghiệp khó xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh ổn định.

Trong bối cảnh đó, cần thiết nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ rào cản thương mại, gia tăng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này là vấn đề mang tính cấp thiết. Do vậy, bài viết khái quát tình hình hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam và Đài Loan, xác định một số tác động tiêu cực của rào cản thương mại của Đài Loan trong thời gian qua và đề xuất một số giải pháp giải pháp tháo gỡ rào cản thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đài Loan trong thời gian tới.

Từ khóa: Đài Loan; Kim ngạch xuất khẩu; Rào cản thương mại; Thúc đẩy xuất khẩu.

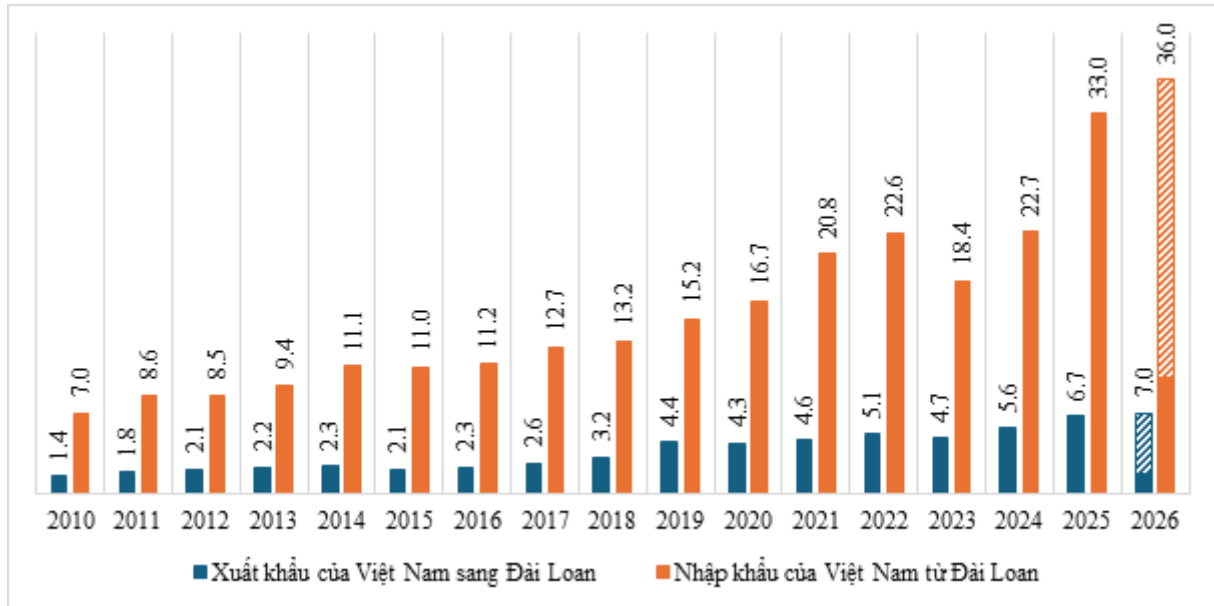
1. Mở đầu

Theo thống kê của Hải quan Việt Nam, năm 2025, tổng kim ngạch thương mại Việt Nam – Đài Loan đạt gần 39,7 tỷ USD, tăng 40% so với năm 2024; trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 6,66 tỷ USD, tăng 18,4%, kim ngạch nhập khẩu đạt 33 tỷ USD, tăng 45,2%, Việt Nam nhập siêu 26,37 tỷ USD, tăng 54% so với năm 2024.

Đài Loan hiện là đối tác thương mại lớn thứ 5, nhà đầu tư lớn thứ 4 của Việt Nam. Xét riêng về nhập khẩu, Đài Loan là nguồn cung hàng hóa lớn thứ 3 của Việt Nam, tuy nhiên Đài Loan mới chỉ là thị trường xuất khẩu lớn thứ 14 của ta. Cơ cấu thương mại hai chiều cho thấy tính bổ trợ rõ nét. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang Đài Loan các mặt hàng như nông sản, thủy sản, dệt may, giày dép và một số sản phẩm công nghiệp nhẹ. Trong khi đó, Việt Nam nhập khẩu từ Đài Loan các nhóm hàng có hàm lượng công nghệ cao hơn như máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử, hóa chất và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất.

Với vị trí địa lý gần gũi, cơ cấu hàng hóa song phương mang tính bổ trợ cùng với nhu cầu tiêu dùng ổn định và cộng đồng người Việt đông đảo (chiếm hơn 2% dân số), Đài Loan được đánh giá là thị trường tiềm năng đối với hàng hóa Việt Nam. Tuy nhiên, Đài Loan cũng là thị trường “khó tính” với các đòi hỏi về chất lượng sản phẩm cũng như bảo hộ rất cao với sản xuất nội địa và đặt ra nhiều yêu cầu khắt khe đối với hàng hóa nhập khẩu. Các rào cản mà Đài Loan áp dụng không chỉ dừng lại ở các tiêu chuẩn kỹ thuật (TBT) hay kiểm dịch động thực vật (SPS) thông thường, mà còn mở rộng sang các biện pháp phòng vệ thương mại, kiểm soát chặt chẽ quy tắc xuất xứ (C/O) và đặc biệt là yêu cầu “đánh giá hệ thống” đối với cơ quan quản lý và năng lực kiểm soát của nước xuất khẩu. Một số biện pháp có tính đặc thù cao, khác biệt so với nhiều thị trường khác, như yêu

cầu đăng ký số lượng và kiểm tra đối với từng lô hàng thanh long, hay việc tạm dừng nhập khẩu thịt đông hộp của Việt Nam khi phát hiện virus dịch tả lợn châu Phi trong sản phẩm nhập khẩu.



Hình 1. Kim ngạch thương mại song phương Việt Nam-Đài Loan (2010-2026)

Đơn vị tính: tỷ USD

Đáng chú ý, Đài Loan đang có xu hướng chuyển dịch mạnh mẽ sang mô hình quản trị rủi ro tổng thể, trong đó không chỉ đánh giá chất lượng từng lô hàng mà còn xem xét năng lực quản lý nhà nước, hệ thống kiểm soát an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và cơ chế giám sát của quốc gia xuất khẩu. Điều này khiến các ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như nông sản, thủy sản, vật liệu xây dựng phải đối mặt với chi phí tuân thủ cao hơn, thời gian thông quan kéo dài và nguy cơ gián đoạn thị trường. Thực tế cho thấy nhiều mặt hàng của Việt Nam đã giảm thị phần hoặc giá trị xuất khẩu vào Đài Loan, trong khi một số sản phẩm như thịt đông hộp, dầu mỡ động vật từng bị dừng nhập khẩu hoàn toàn. Vì vậy, mặc dù quy mô thương mại song phương tiếp tục tăng trưởng, khả năng duy trì và mở rộng thị phần của hàng hóa Việt Nam tại Đài Loan vẫn phụ thuộc lớn vào năng lực thích ứng với hệ thống rào cản kỹ thuật và yêu cầu quản lý ngày càng khắt khe của thị trường này.

2. Tác động tiêu cực của rào cản thương mại đối với Việt Nam

2.1 Tác động ngắn hạn

Các rào cản thương mại của Đài Loan đang làm gia tăng đáng kể chi phí tuân thủ và chi phí kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam. Những yêu cầu về kiểm dịch động thực vật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, kiểm tra hệ thống và tăng tần suất kiểm tra khiến doanh nghiệp phát sinh thêm chi phí kiểm định, lưu kho, logistics và quản lý chất lượng. Đối với các mặt hàng dễ hư hỏng như nông sản, thủy sản, việc kéo dài thời gian thông quan còn làm gia tăng rủi ro thương mại và suy giảm lợi thế cạnh tranh về giá.

Bên cạnh đó, các rào cản kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại cũng làm suy giảm khả năng tiếp cận thị trường của hàng hóa Việt Nam. Nhiều quy trình đánh giá kỹ thuật kéo dài và thiếu tính dự báo khiến doanh nghiệp khó xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh ổn định. Việc áp dụng

các biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng như xi măng, clinker buộc doanh nghiệp phải điều chỉnh chiến lược xuất khẩu, tìm kiếm thị trường thay thế hoặc thu hẹp sản lượng.

Các rào cản thương mại ngày càng gia tăng cũng làm tăng nguy cơ gián đoạn xuất khẩu và mất thị phần tại thị trường Đài Loan. Trong bối cảnh chính sách nhập khẩu thay đổi nhanh và xu hướng siết chặt kiểm soát kỹ thuật ngày càng rõ nét, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc ký kết hợp đồng dài hạn, duy trì chuỗi cung ứng và ổn định hoạt động xuất khẩu.

Ngoài ra, một số vụ việc liên quan đến an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm hoặc nghi vấn về xuất xứ cũng ảnh hưởng đến hình ảnh và uy tín của hàng hóa Việt Nam tại thị trường Đài Loan, đặc biệt đối với nhóm hàng nông sản và thực phẩm.

Đáng chú ý, các rào cản thương mại của Đài Loan có xu hướng chuyển dịch từ các biện pháp truyền thống sang các công cụ “hợp pháp hóa” trong khuôn khổ thương mại quốc tế. Thay vì áp dụng các biện pháp cấm nhập khẩu trực tiếp, Đài Loan ngày càng sử dụng các công cụ như kiểm tra hệ thống, tiêu chuẩn kỹ thuật và phòng vệ thương mại. Điều này làm cho các rào cản trở nên khó nhận diện và khó xử lý hơn, đòi hỏi Việt Nam phải có cách tiếp cận toàn diện và linh hoạt hơn trong việc ứng phó.

2.2 Tác động dài hạn

Không chỉ ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và từng ngành hàng cụ thể, các rào cản thương mại của Đài Loan còn ảnh hưởng đáng kể đến quan hệ hợp tác kinh tế-thương mại giữa Việt Nam và Đài Loan.

Trước hết, việc gia tăng sử dụng các biện pháp phi thuế quan, đặc biệt là SPS, TBT và các cơ chế kiểm tra hệ thống, có thể làm suy giảm mức độ tin cậy trong quan hệ thương mại. Mặc dù các biện pháp này về hình thức phù hợp với khuôn khổ của WTO, nhưng trong thực tiễn, việc áp dụng kéo dài, thiếu tính minh bạch hoặc vượt quá mức cần thiết có thể bị phía Việt Nam nhìn nhận như các công cụ bảo hộ, ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác song phương.

Thứ hai, các rào cản thương mại góp phần làm chậm quá trình mở rộng hợp tác kinh tế-thương mại theo chiều sâu. Thay vì thúc đẩy thương mại hai chiều theo hướng cân bằng, đa dạng, bền vững, các biện pháp hạn chế tiếp cận thị trường khiến doanh nghiệp Việt Nam có xu hướng thu hẹp quy mô xuất khẩu hoặc chuyển hướng sang các thị trường khác. Điều này làm giảm hiệu quả khai thác tiềm năng bổ trợ giữa hai nền kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế như nông sản, thực phẩm và vật liệu xây dựng.

Trong bối cảnh hai bên không thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức, các rào cản thương mại còn làm gia tăng vai trò của các cơ chế điều phối phi chính thức, như văn phòng kinh tế – văn hóa và các hiệp hội doanh nghiệp. Mặc dù các cơ chế này tạo ra sự linh hoạt trong xử lý vấn đề, nhưng cũng khiến quá trình đàm phán và tháo gỡ rào cản trở nên chậm và kém hiệu quả hơn so với các kênh hợp tác chính thức.

Tóm lại, các rào cản thương mại của Đài Loan không chỉ tác động đến hiệu quả xuất khẩu của Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến chất lượng và cấu trúc của quan hệ hợp tác kinh tế song phương. Trong ngắn hạn, các rào cản này làm gia tăng chi phí, rủi ro và hạn chế khả năng mở rộng thương mại; tuy nhiên, về dài hạn, chúng có thể thúc đẩy quá trình tái cấu trúc hợp tác theo hướng tăng

cường liên kết đầu tư, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và nâng cao mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

2. Một số giải pháp tháo gỡ rào cản thương mại nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đài Loan (Trung Quốc)

Trong bối cảnh các rào cản thương mại ngày càng gia tăng và có xu hướng chuyển mạnh sang các biện pháp kỹ thuật, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc và đánh giá năng lực quản lý của nước xuất khẩu, việc nâng cao khả năng ứng phó và phòng ngừa rủi ro thương mại đối với thị trường Đài Loan có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Một số nhóm giải pháp trọng tâm cần triển khai bao gồm:

- Tăng cường hợp tác song phương và tận dụng cơ chế đa phương nhằm xử lý kịp thời các vấn đề thương mại phát sinh. Trong điều kiện chưa có khuôn khổ hợp tác chính thức, cần phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác cấp làm việc hiện có trong lĩnh vực nông nghiệp, SPS, khoa học công nghệ, hải quan và xúc tiến thương mại. Đồng thời, cần tận dụng các cơ chế đa phương, đặc biệt là các quy định và cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO, nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam trước các biện pháp hạn chế thương mại bất hợp lý.

- Hoàn thiện cơ chế điều phối trong nước theo hướng “một đầu mối – đa cơ quan phối hợp” và tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp khi xảy ra các vấn đề như hàng hóa bị giữ tại cảng, kéo dài thời gian kiểm tra hoặc bị điều tra phòng vệ thương mại. Vai trò của các cơ quan đại diện thương mại, văn phòng kinh tế – văn hóa và hiệp hội ngành hàng cần được phát huy mạnh mẽ hơn trong việc kết nối thông tin, hỗ trợ pháp lý và thúc đẩy đối thoại với phía Đài Loan.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về rào cản thương mại, có khả năng cập nhật, phân tích và dự báo kịp thời các thay đổi trong chính sách nhập khẩu, tiêu chuẩn SPS, TBT và các biện pháp phòng vệ thương mại của Đài Loan, từ đó giúp doanh nghiệp chủ động điều chỉnh hoạt động sản xuất – xuất khẩu. Việc hình thành cơ chế phản hồi hai chiều giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý cũng có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hỗ trợ chính sách.

- Triển khai các giải pháp theo từng nhóm ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Đài Loan (Trung Quốc), trong đó tập trung vào việc nâng cao năng lực đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc, kiểm soát chất lượng và thích ứng với xu hướng quản lý nhập khẩu ngày càng chặt chẽ của Đài Loan.

- Nâng cao năng lực nhận diện và dự báo rủi ro rào cản thương mại ở cấp doanh nghiệp và địa phương, chuyển từ tư duy “bị động tiếp nhận thông tin” sang “chủ động phân tích và dự báo”; đồng thời tái cấu trúc hoạt động sản xuất theo hướng tích hợp tiêu chuẩn ngay từ đầu chuỗi giá trị. Các địa phương cần đầu tư phát triển hệ thống kiểm định, thử nghiệm và chứng nhận đạt chuẩn quốc tế, gắn với các vùng sản xuất tập trung; triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc số hóa, đảm bảo tính minh bạch và khả năng kiểm chứng thông tin sản phẩm khi xuất khẩu sang thị trường Đài Loan, nhằm giảm thiểu rủi ro trong hoạt động xuất khẩu.

- Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm gắn với tiêu chuẩn chất lượng và uy tín thị trường. Doanh nghiệp cần đầu tư vào chiến lược phát triển thương hiệu dài hạn gắn với chất lượng sản phẩm và khả năng tuân thủ tiêu chuẩn. Các địa phương cần hỗ trợ xây dựng thương hiệu vùng, chỉ dẫn địa lý và bảo hộ sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao giá trị và vị thế của hàng hóa Việt

Nam tại thị trường Đài Loan. Đồng thời, cộng đồng người Việt Nam tại Đài Loan có thể đóng vai trò cầu nối trong quảng bá hình ảnh, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường và nâng cao nhận diện hàng hóa Việt Nam một cách bền vững.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên không chỉ giúp giảm thiểu tác động của các rào cản thương mại từ phía Đài Loan mà còn góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và uy tín của hàng hóa Việt Nam, từ đó thúc đẩy xuất khẩu theo hướng bền vững và hiệu quả hơn trong giai đoạn tới./.

Tài liệu tham khảo

1. Thương vụ Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, “Các rào cản thương mại, kỹ thuật chủ yếu của thị trường Đài Loan đối với nông sản Việt Nam”.
2. Hướng dẫn quốc gia về Đài Loan: Tìm hiểu về thương mại điện tử xuyên biên giới, vận chuyển và nhập khẩu. <https://zonos.com/vi/docs/guides/country-guides/taiwan>
3. Hoa Bùi (2025), Đài Loan áp thuế chống bán phá giá: Đòn cảnh tỉnh với xi măng xuất khẩu Việt. Tạp chí Kinh tế- Tài chính online (Chuyên trang Thuế và Hải quan).
4. Taiwan Country Report (2026), <https://bti-project.org/en/reports/country-report/TWN>
5. Bản tin xuất nhập khẩu: Thị trường Đài Loan (2022) Trung tâm Phát triển thương mại điện tử - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương.

SOME ISSUES ON TRADE BARRIERS RELATED AND SOLUTIONS TO REMOVE TRADE BARRIERS TO PROMOTE VIETNAMESE GOODS EXPORTS TO THE TAIWAN (CHINA) MARKET

Duong Ngoc Mai

Since the establishment of economic exchange relations between Vietnam and Taiwan (China) on June 30, 1992, Taiwan has consistently been regarded as one of Vietnam's key partners in trade and investment. However, amid the resurgence of protectionism, many countries and economies, including Taiwan, have increasingly employed non-tariff measures as trade barriers to protect domestic industries. In particular, Taiwan's trade barriers mainly involve strict requirements on animal and plant quarantine, food safety, traceability, system inspections, increased inspection frequencies, and prolonged, unpredictable technical evaluation procedures. These measures create significant challenges for businesses in developing stable production and business plans.

In this context, identifying solutions to overcome trade barriers and promote Vietnamese exports to the Taiwanese market has become an urgent issue. Therefore, this article provides an overview of Vietnam-Taiwan import-export activities, analyzes several negative impacts of Taiwan's trade barriers in recent years, and proposes solutions to address these barriers in order to enhance Vietnam's export performance in the Taiwanese market in the future.

Keywords: Taiwan; Export enhancement; Export turnover; Trade barriers.